

Tập 28

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba mươi lăm:

Nhị, quả chứng.

(Tự) Nãi tri phỉ ly khuể bộ, bảo trì dũng tứ sắc chi hoa. Bất xuất hộ đình, kim địa nhiều thất trùng chi thụ. Xứ xứ Di Đà thuyết pháp, thời thời liên nhụy hóa sanh. Trân cầm dữ thứ diệu giai âm, quỳnh viện cộng mảo đường tịnh thái.

二果證。

(序) 乃知匪離跬步，寶池涌四色之華。不出戶庭，金地遶七重之樹。處處彌陀說法，時時蓮蕊化生。珍禽與庶鳥偕音，瓊院共茆堂並彩。

(Hai, chứng quả.

Tựa: Bèn biết: Chẳng lìa nửa bước, hoa bốn màu trổ nơi ao báu. Chẳng ra khỏi cửa, khỏi sân, bầy hàng cây vây quanh đất vàng. Chốn chốn Di Đà thuyết pháp, thời thời hóa sanh trong hoa sen. Chim quý cùng chim thường hòa tiếng hót nhịp nhàng, viện quỳnh cùng lầu tranh cùng nhau khoe sắc).

Trong đoạn văn này có bốn tiểu đoạn. Hai câu đầu trong đoạn thứ nhất đã được giới thiệu trong phần trước. Hôm nay chúng ta xem tiểu đoạn thứ hai, tức là “*bất xuất hộ đình, kim địa nhiều thất trùng chi thụ*”. Đối với phần lời Tựa, phải đọc kỹ Sớ Sao và Diễn Nghĩa rồi mới hiểu được những nghĩa lý huyền diệu, có thể nói là từng câu từng chữ đều ban cho chúng ta những khơi gợi rất lớn. Những điều này hoàn toàn thuộc về cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn, mà cũng là những điều được nói trong kinh Hoa Nghiêm, tức “Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại”, chúng ta thường gọi [cảnh giới ấy] là Nhất Chân pháp giới. Trong bộ Sớ Sao Diễn Nghĩa đều giải thích những điều ấy.

(Diễn) Hộ đình nhiều thụ giả.

(演) 戶庭繞樹者。

(Diễn): “Cửa, sân, hàng cây vây quanh” là...)

“Hộ đình” là chỗ rất gần. Hộ (戶) là cánh cửa, phía bên ngoài cửa là sân (đình viện). Đây là kiến trúc của Trung Quốc thuở trước, đương

nhiên khác với chung cư hiện thời. Hiện thời chúng ta có cửa, nhưng không phải nhà nào cũng có sân.

(Diễn) Vị giác lâm tăng trưởng, đạo thụ tư vinh. Trưởng dưỡng chúng thiện chi Thể, tùy xứ phát hiện dã.

(演)謂覺林增長，道樹滋榮，長養眾善之體，隨處發現也。

(Diễn: Ý nói: Rừng giác tăng trưởng, cây đạo tốt tươi. Nuôi dưỡng lớn cái Thể của các điều thiện, nó sẽ hiển lộ ở mọi nơi).

Đây là giảng giải ý nghĩa. Trong thế giới Tây Phương, đất bằng vàng ròng, do vậy, gọi là “kim địa”. Trên mặt đất, kinh đã nói rất cặn kẽ, có bảy tầng hàng cây, bảy tầng lưới chăng, đây là nói về sự trang nghiêm trên mặt đất. Chữ “thất” trong “thất trùng” (bảy tầng) tượng trưng cho ý nghĩa viên mãn, hoàn toàn chẳng phải là con số. Nếu quý vị nghĩ nó là con số thì làm mất rồi! Nếu chúng ta nhìn vào một chỗ nào mà tất cả nhà cửa đều giống nhau, quý vị nghĩ xem nó có dễ coi hay không? Không có gì dễ coi cả! Thế nào là viên mãn? Trong tâm chúng ta vui thích như thế nào, nó bèn xuất hiện đúng như thế ấy, đó gọi là viên mãn. Nói cách khác, trong thế giới Tây Phương chẳng có chuyện gì không vừa lòng, không có một sự vật nào chẳng xứng ý. Hoàn cảnh ấy quả thật trang nghiêm đến cùng cực. Nhìn ngược lại hoàn cảnh của chúng ta hiện thời, hoàn cảnh lý tưởng mà tâm chúng ta thường mong mỗi chẳng dễ gì đạt được, không có được! Hoàn cảnh chẳng vừa ý, chẳng xứng lòng mà chúng ta muốn rời khỏi cũng chẳng dễ gì bỏ được. Đây chính là: “Hảo nan cầu, ác nan khiển” (Điều tốt khó cầu, điều xấu khó gạt bỏ), đâu có thứ gì cũng xứng lòng thỏa ý như trong thế giới Tây Phương! Chữ “thất” biểu thị xứng tâm như ý, tượng trưng cho sự viên mãn, có cùng một ý nghĩa với chữ “thập” trong kinh Hoa Nghiêm, đều nhằm biểu thị ý nghĩa viên mãn.

“Giác lâm”, “đạo thụ” đều nhằm tỷ dụ thân tâm của chính mình; hai câu này ý nói trí huệ tăng trưởng, công đức dồi dào, vô lượng vô biên trí huệ, vô lượng vô biên đức năng. “Trưởng dưỡng chúng thiện chi Thể”: “Thể” là bản tánh của chính mình. Chân tánh là Thể của muôn điều thiện. Từ chỗ này, chúng ta cũng có thể thấu hiểu chân tánh là cái Thể chí thiện. Nếu trong tâm chúng ta có mảy may bất thiện nào, chứng tỏ chân tánh của chúng ta đang bị mê, không ngộ! Nếu chân tánh là giác, nhất định sẽ thuần thiện, không có mảy may điều ác nào. Chân tánh là thanh tịnh, quyết chẳng có một tạp niệm nào!

Chúng ta gọi thế gian này là thế giới Sa Bà, thế giới này là thế giới ô nhiễm. Người tu đạo nếu khéo vận dụng hoàn cảnh thì nơi đây chính là chỗ tu hành tốt nhất. Nếu chẳng khéo vận dụng hoàn cảnh, thừa quý vị, không ai chẳng đọa lạc. Tuy nói là sáu đường, ba đường lành ví như “ngoi đầu ra”, ba đường ác ví như “chìm lìm”, nhưng nói thật ra, thời gian chúng sanh ở trong ba đường lành hết sức ngắn ngủi, tam bợ, thời gian trong ba đường ác cực dài. Đây đều là chân tướng sự thật trong thế giới Sa Bà. Khéo vận dụng hoàn cảnh này để làm đạo tràng tu hành cho chính mình thì xưa nay đã có khá nhiều tấm gương. Những vị ấy ở trong thế giới ngũ dục lục trần phồn hoa mà có thể bỏ, có thể buông xuống được. Hôm qua chúng ta đã đọc câu “*huru chi huru huru*”, tức là đã tinh tấn lại càng tinh tấn hơn, đã buông xuống lại càng buông xuống hơn.

Trong Phật môn, bất luận là bậc đại đức xuất gia hay tại gia, hễ thật sự là một người tinh tấn tu hành, người ấy chắc chắn chẳng tham luyến ngũ dục, lục trần, hạ mức sống đến mức thấp nhất. Thuở đức Phật tại thế, ba y một bát, đây là hạ mức sống xuống mức thấp nhất. Ngoài ba y một bát, không còn vật nào khác, hoàn cảnh này là nơi tu học tốt đẹp. Liên Trì đại sư dạy chúng ta: Người tu hành thật sự chắc chắn không tham luyến tiếng tăm, lợi dưỡng, bỏ sạch những thứ ấy. Nếu có thể cam lòng sống đạm bạc, đạo nghiệp mới có thể thành công. Thứ hai, nhất định chẳng nể nang, trừ những cuộc thù tiếp bất đắc dĩ, không có cách nào [tránh né được], mọi thứ đều phải giảm bớt. Chính tôi thấy có hai vị pháp sư hiện đang ở nước Mỹ, một vị là pháp sư Nhân Tuấn, vị kia là pháp sư Nhật Thường. Ở ngoại quốc, hai vị này bị gọi là “quái nhân”, chẳng giao tiếp, thù tạc, không trả lời điện thoại, tu hành rất sốt sắng, đâu có lúc rảnh rỗi để thù tiếp. Chúng tôi nhìn thấy, hết sức kính trọng, đây là tấm gương trước mắt.

Cổ đại đức nêu gương rất nhiều, như bậc cao tăng thời cận đại là lão hòa thượng Hư Vân, lão pháp sư Ấn Quang, quý vị đều biết. Một bộ quần áo mặc ba, bốn chục năm, rách rồi lại vá! Quý vị thấy lão hòa thượng mặc quần áo vá vúi, chằm khịu bao nhiêu mảnh? Tín đồ của các Ngài đầy khắp thiên hạ, đại tài chủ rất đông, cúng dường chẳng thể tính được số, ngay cả một bộ quần áo mới mà lão hòa thượng may không nổi hay sao? Lão hòa thượng không may! Tín đồ thường tặng cho Ngài quần áo mới. Vừa được tặng quần áo mới, Ngài coi xem ai không có quần áo để mặc bèn tặng cho người ấy, còn Ngài vẫn mặc những quần áo rách nát. Suốt đời không thay đổi, chẳng tham luyến hưởng thụ, chẳng ve vãn kẻ quyền quý. Bất luận chuyện gì có thể giảm được thì giảm, người tu hành coi giảm bớt việc là bậc nhất thì mới có thể trường dưỡng “cái Thể của các điều

lành”. Muôn vàn phân chó nên đa sự, người xuất gia là như vậy, mà bậc cao nhân tại gia cũng nên như thế.

Bàng cư sĩ là một vị tài chủ, đã học Phật bèn hạ quyết tâm liễu sanh tử, thoát tam giới. Ngài chất hết tài sản, vàng bạc trong nhà lên một chiếc thuyền to, lái thuyền ra giữa dòng Trường Giang, đục một lỗ, vùi chìm toàn bộ, chẳng cần gì hết. Sau đây sống bằng cách nào? Bện giày cỏ. Mỗi ngày bện giày cỏ bán được mấy đồng, sống hết sức thanh bần. Có người hỏi Ngài: “Ông có nhiều tiền như vậy, nếu không cần tới, sao không đem làm chuyện tốt có phải là hay hơn không?” Ngài bảo người ấy: “Hảo sự chẳng bằng vô sự”. Quý vị hãy suy nghĩ ý nghĩa thú vị trong lời nói ấy. Vô sự là hảo sự bậc nhất! Vô sự là nghiệp vô lậu, hảo sự vẫn là nghiệp hữu lậu, khác nhau! Quý vị thấy cả nhà Ngài, ai nấy đều thành đạo. Lúc Ngài sắp mất, bảo vợ con rằng: “Ta sắp ra đi, hãy thay ta lo liệu hậu sự”. Con gái Ngài còn cao minh hơn cha, cô ta nói: “Cha ơi! Cha hãy đợi một lát. Con ra ngoài một chút”. Khi cô ta ra ngoài, bèn văng sanh giữa dòng. Sanh tử tự tại, đến đi theo ý mình, cả nhà đều chứng quả. Do vậy, nêu chúng ta tu hành thật sự, đã buông xuống lại càng buông xuống hơn nữa, đạo tâm của chúng ta mới có thể kiên lập.

Hiện thời, trước hết đừng nói tới tăng trưởng là vì lẽ nào? Hiện tại chúng ta không có đạo tâm, cổ nhân bảo đạo tâm của chúng ta là “*lộ thủy đạo tâm*” (đạo tâm ít ỏi như nước trong một hạt sương). Nay ngồi nghe kinh ở đây, ban ngày niệm Phật ở nơi đây, dường như có chút đạo tâm, bước ra đường là chuyển biến ngay, đạo tâm chẳng còn nữa, làm sao thành công cho được? Do vậy, niệm Phật, niệm cả mấy chục năm, ngay cả tin tức cũng chẳng có, do nguyên nhân gì? Không buông xuống, đó là đại chướng ngại. Những điều kinh luận đã giảng đều nhằm dạy chúng ta hãy buông xuống. Tu hành là gì? Buông xuống là tu hành, buông xuống là công phu. Trong thế gian này, quyết định phải tuân thủ “*u nhân vô tranh, u thế vô cầu*” (chẳng tranh với người, chẳng cầu nơi đời). Thân tâm thanh tịnh, chẳng vướng mắc mảy may, niệm Phật như vậy không có ai chẳng thành công, đúng như Vĩnh Minh đại sư đã nói: “*Vạn người tu, vạn người về*”. Thánh Cam Địa (Gandhi) của Ấn Độ không phải là tín đồ Phật giáo, nhưng được người thế gian tôn trọng, kính ngưỡng như thế, là vì Ngài đã sống theo lối sống của một tín đồ Phật giáo. Thuở ấy, sau khi từ Anh Quốc trở về, Ngài đã mua một khoảnh đất nhỏ, lập một cộng đồng nhỏ, sống đời nguyên thủy trong cộng đồng ấy. Mấy người thân thích, bạn bè chí đồng đạo hợp ở với nhau, tự mình cất nhà, tự mình cày cấy, cuộc sống giảm thiểu đến mức độ thấp nhất. Những dụng cụ trong nhà đều là những thứ

bắt buộc phải có, không có gì nhiều hơn. Ba người là ba cái ghế nhỏ, bốn người là bốn cái ghế nhỏ, gần như người xuất gia ba y một bát vậy. Vì sao Ngài làm như vậy? Bớt việc! không có mấy may ưu lự, vương mắc nào, thân tâm tự tại, trí huệ tăng trưởng. Đây là bậc thánh nhân thế gian.

Đạo nghiệp của chúng ta chẳng thể thành tựu vì bị ngũ dục, lục trần và những tình cảm, sự việc thế gian lôi kéo, buộc ràng, đó là ma, quyết chẳng phải là Phật. Cứ tưởng là có phước báo, phước báo gì vậy? Ma báo! Người nọ tín đồ đông đảo, đó là ma đông đảo, ma theo kẻ ấy đông lắm. Tín đồ của người xuất gia là pháp quyền thuộc, nhưng pháp quyền thuộc là ma, chẳng phải là chuyện tốt! Tín đồ quá đông, sẽ chẳng thể vãng sanh, vẫn phải luân hồi trong sanh tử, vẫn phải đọa lạc. Nếu ai mà một tín đồ cũng chẳng có, nhất định sẽ kêu: “Tôi rất khổ não, tôi phải nhanh chóng niệm Phật cầu vãng sanh”, người ấy thật sự thành công. Không có ai cúng dường, người ấy một lòng hướng về đạo, hằng ngày niệm Phật, cầu liễu sanh tử. Cúng dường quá nhiều, khá quá! Nơi đây còn có phước báo để hưởng, quên tuốt Tây Phương Cực Lạc thế giới, có hồng bút hay là không? Phải dùng trí huệ để quan sát những chỗ này.

Trong phần trước, Sớ Sao nói đến tu nhân, tu nhân đã thành, ở đây nói tới quả báo, tức quả báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quả báo ấy là tự nhiên, chẳng phải do chúng ta khởi tâm động niệm cầu được, mà là tự nhiên. Phước báo là chân thật, chẳng hư vọng, chẳng do con người làm ra. Tây Phương Cực Lạc thế giới là như vậy. Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy thế giới Hoa Tạng cũng giống như vậy, đều là do thiện căn phát hiện, đâu đâu cũng hiển lộ, giống như kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Đương xứ xuất sanh, đương xứ diệt tận*” (Phát sanh ngay tại đây, diệt hết ngay tại đây), “*tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (thuận lòng chúng sanh, ứng với khả năng hiểu biết của họ). Tùy theo tâm lượng của họ mà phát hiện.

(Diễn) Hựu pháp giới duy tâm.

(演) 又法界唯心。

(Diễn: Lại nữa, pháp giới duy tâm).

Chữ “*pháp giới*” chỉ Nhất Chân pháp giới, thường nói là bao gồm mười pháp giới. Ngộ rồi thì gọi là Nhất Chân pháp giới, hễ mê thì gọi là mười pháp giới. Thật ra, pháp giới không có mê hay ngộ; mê hay ngộ là do lòng người.

(Diễn) *Ký diệu ngộ nhất tâm, tức vạn ức sát ngoại chi hàng thụ, diệp bất xuất hộ đình dã.*

(演) 既妙悟一心，即萬億剎外之行樹，亦不出戶庭也。

(Diễn: *Đã diệu ngộ nhất tâm thì ngay cả hàng cây ở ngoài mười vạn ức cõi cũng chẳng ra khỏi cửa, khỏi sân vậy*).

Đây là cảnh giới giải thoát bất khả tư nghị! Câu trọng yếu nhất trong đoạn này là “*diệu ngộ nhất tâm*”, trong đoạn trên có bốn chữ này, ở đây lại có bốn chữ này, bốn chữ này quan trọng lắm! Sự tu học trong Phật pháp là trong một câu này. Tu nhất tâm bất loạn, trì danh niệm Phật là đơn giản, trọng yếu nhất, ổn thỏa, thích đáng nhất, dễ dàng nhất. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, mỗi một pháp môn đều nhằm tu nhất tâm, tuy danh xưng khác nhau, vẫn là cùng một chuyện, thấy đều nhằm tu tâm bất loạn! Trong phần trên đã nói rất rõ ràng, công phu là khuát phục phiền não, đoạn phiền não, khai trí huệ, kinh thường nói tới những điều này. Nói cách khác, công phu là buông xuống, lại buông xuống, tiếp tục buông xuống, vì sao? Chẳng buông xuống, sẽ chẳng thể đắc nhất tâm. Trước hết phải buông Kiến Tư phiền não xuống, rồi lại buông Trần Sa, buông Vô Minh xuống, buông hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng xuống, nhất tâm hiện tiền, đó là công phu chân thật.

Có mấy may nào không buông xuống được, chắc chắn nhất tâm chẳng thể hiện tiền, vì sao? Trong tâm còn có một vật. Lục Tổ nói: “*Vốn chẳng có một vật*”. Quý vị có một vật, sẽ chẳng nhất tâm. Chẳng những hết thấy pháp thế gian chẳng nên có, mà có Phật pháp cũng chẳng được! Trong Chân Như bốn tánh, ngay cả Phật pháp cũng không có! Do vậy, trong kinh Bát Nhã có nói: “*Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp*” (Pháp còn nên bỏ, huống hồ phi pháp). Khi ấy mới gọi là “*diệu ngộ nhất tâm*”. Bất đắc dĩ phải kiến lập giả danh này, ngàn vạn phần đừng chấp trước cái giả danh này, đến khi ấy, nếu ta còn có diệu ngộ nhất tâm thì sai mất rồi! Trong chân tánh mà còn có diệu ngộ nhất tâm ư? Bất đắc dĩ, không có cách nào khác, phải lập ra cái danh tướng như vậy. Đạt đến cảnh giới ấy, tận hư không, trọn pháp giới là chính mình mà thôi! Viên mãn Báo Thân, thanh tịnh Pháp Thân đều hiện tiền, không gian lẫn thời gian đều tiêu mất, trở thành một khối, đó gọi là Nhất Chân. Đả phá không gian và thời gian, hàng cây ngoài mười vạn ức cõi nước cũng ở ngay trước mắt. Đây là ý nghĩa của đoạn thứ hai. Lại xem đoạn thứ ba, “*xứ xứ Di Đà thuyết*”

pháp, thời thời liên nhụy hóa sanh”. Hai câu này được sách Diễn Nghĩa chú giải như sau:

(Diễn) Di Đà thuyết pháp giả, thược táo, nha minh, tận thị thâm đàm Bát Nhã, kê quang, sơn sắc, vô phi toàn lộ Giá Na dã. Xứ xứ giả, tức cổ nhân sở vị xí nhiên thuyết, vô gián hiết dã.

(演)彌陀說法者，鵲噪鴉鳴盡是深談般若，溪光山色無非全露遮那也。處處者，即古人所謂熾然說無間歇也。

(Diễn: Di Đà thuyết pháp: Chim khách hót, quạ kêu đều là đàm luận Bát Nhã sâu xa; ánh khe, sắc núi không gì chẳng hiển lộ trọn vẹn Giá Na. “Xứ xứ” là như cổ nhân đã bảo “nói cuồn cuộn, không gián đoạn” vậy).

Các đồng học phải đặc biệt chú ý đoạn này, vì có không ít đồng học thường đến hỏi: “Chúng ta niệm Phật phải không gián đoạn, nhưng khi chúng con có việc phải làm, Phật hiệu bị gián đoạn, như vậy thì có thể thành công hay không?” Ở đây, lời Diễn Nghĩa đã giải đáp tường tận câu hỏi này. “Thuyết pháp”: “Thuyết” (說) là thuyết minh (nói rõ). Lời nói thì quý vị vừa nghe liền hiểu rõ, đó gọi là “thuyết pháp”. Nếu mắt quý vị vừa thấy, thấy rõ ràng, thì cũng gọi là “thuyết pháp”. Ta đã không dùng tai nghe, mà cũng chẳng dùng mắt thấy, lưỡi ta vừa nếm liền hiểu rõ thì cũng gọi là “thuyết pháp”. Tay ta sờ, chạm đến liền hiểu rõ, đã hiểu rõ thì cũng gọi là “thuyết pháp”. Hai chữ “thuyết pháp” có ý nghĩa vừa sâu lại vừa rộng. Do vậy, chấp vào tướng ngôn thuyết, chấp vào tướng danh tự, quý vị sẽ chẳng thể hiểu được ý nghĩa chân thật của Như Lai. “Di Đà” là A Di Đà Phật, ở đây nói gọn. A Di Đà Phật có nghĩa là Vô Lượng Giác. Nói cách khác, trong hết thảy sự vật, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, phải giác chứ không mê. Đối với cảnh giới bên ngoài mà nói thì Ngài thuyết pháp, nhưng đối với sự cảm nhận của chính quý vị mà nói thì là niệm Phật, chúng ta phải hiểu được đạo lý này.

Khi chúng ta thân tâm vô sự, câu Phật hiệu này niệm niệm tiếp nối, chẳng gián đoạn giữa chừng. Khi chúng ta làm chuyện gì đó, tuy Phật hiệu không niệm, nhưng tập trung toàn bộ tinh thần làm thật tốt đẹp công việc của chính mình thì cũng gọi là “niệm Phật”. Niệm Phật gì vậy? Chính là niệm niệm nhắc nhở chính mình giác chứ không mê. Bất luận trong cảnh giới nào cũng giác chứ không mê, đó gọi là “niệm Phật”. Chánh chứ không tà, đó gọi là “niệm Phật”. Tĩnh chứ không nhiễu, đó gọi là “niệm Phật”. Nếu suốt ngày từ sáng đến tối “A Di Đà Phật, A Di Đà Phật”, nhưng chuyện gì cũng mê hoặc, điên đảo thì câu Phật hiệu ấy đã uổng công niệm

suông, chẳng thể gọi là “niệm Phật”, mà gọi là “miệng có, tâm không”, đúng như cổ nhân nói “*hét toạc cổ họng cũng uống công*”, vô dụng! Sáu căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới sáu trần, quý vị mê hoặc, tà kiến, ô nhiễm, câu Phật hiệu đã uống công niệm rồi! Phải hiểu rằng: Từng câu Phật hiệu đánh thức Giác - Chánh - Tịnh của chính mình, Giác - Chánh - Tịnh thì khi sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, Phật hiệu ấy mới thật sự là niệm có tác dụng, có chỗ dùng được!

Ở chỗ này, sách nêu tỷ dụ, “*thước tảo*” là chim khách (hỷ thước) kêu, mọi người chúng ta vui mừng, chim khách báo điềm vui. Trông thấy chim khách kêu, trong lòng hoan hỷ, vậy là sao? Quý vị mê rồi, tâm động rồi, bị cảnh giới chuyển rồi! “*Nha minh*” là quạ đen (ô nha) kêu, ai này đều chán ghét. Khi quạ kêu là điềm chẳng tốt lành. Vừa nghe quạ kêu, quý vị chau mày, hôm nay xúi quẩy rồi! Nhất định phải đuổi nó đi gấp, vậy là quý vị cũng mê hoặc, cũng bị cảnh giới chuyển. Chim khách kêu, nghe rất rõ ràng, trong tâm như như bất động, đó là Bát Nhã, là trí huệ. Quạ kêu, cũng nghe rất rõ ràng, trong tâm cũng như như bất động. Ở đây, [dùng chim khách và quạ đen] tượng trưng hai cảnh giới khác nhau, một đằng là thuận cảnh, đằng kia là nghịch cảnh. Thuận cảnh, quý vị sanh tâm hoan hỷ; nghịch cảnh, quý vị khởi tâm nóng giận, tức là quý vị bị cảnh giới chuyển, tâm bị cảnh chuyển. Người học Phật thật sự giữ được “*chẳng chấp lấy tướng, như như bất động*”, nhìn thấy tướng cảnh giới bên ngoài rõ ràng, rành rẽ, nghe rõ ràng, rành rẽ, ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm; đó là Kim Cang Bát Nhã. Kim Cang Bát Nhã hiện diện trong cảnh giới, đó là A Di Đà Phật giảng kinh Kim Cang cho quý vị, là Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Kim Cang cho quý vị. Cứ nhất định phải cầm cuốn kinh Kim Cang để niệm thì mới là kinh Kim Cang ư? Thừa cùng quý vị, sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần, rõ ràng, minh bạch, chẳng chấp vào tướng, như như bất động, đó là kinh Kim Cang, đó là kinh Kim Cang sống, là kinh Kim Cang thật sự. Sống động, chân thật mà quý vị chẳng nhận biết, quý vị chỉ nhận biết cuốn kinh chết cứng bằng giấy trắng mực đen! Do vậy, niệm kinh Kim Cang là niệm kinh chết cứng, chữ chết cứng trong từng dòng, niệm đến cuối cùng biến thành kẻ si ngốc trong nhà Phật, đâu có ích gì? Chỉ có thể nói: Có chút điểm tốt, tức là tốt hơn so với suốt ngày từ sáng đến tối chửi bới người khác mà thôi! Trừ điều này ra, quý vị hãy nghĩ xem, quý vị còn đạt được lợi ích nào nữa hay không? Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này, chư Phật, Bồ Tát giảng kinh, thuyết pháp có khi nào gián đoạn giữa chừng đâu? Câu này tượng trưng cho hữu tình thuyết pháp.

Xem tiếp câu kệ đó thì sẽ thấy vô tình cũng thuyết pháp. “*Khê quang, sơn sắc*”, “*khê*” (溪) là khe nước, con suối nhỏ. Ý nghĩa của câu này là từ thuở cư sĩ Tô Đông Pha lên chơi Lô Sơn làm thơ, thơ như sau: “*Khê thanh tận thị quảng trường thiết, sơn sắc vô phi thanh tịnh thân*” (Tiếng suối đều là lưới rộng dài, màu núi không gì chẳng phải là thân thanh tịnh). Đây là nói về vô tình cũng có thể thuyết pháp, “*vô phi toàn lộ Giá Na*” (không gì chẳng hiển lộ hoàn toàn Tỳ Lô Giá Na). “*Giá Na*” là Tỳ Lô Giá Na (Vairocana), tức Pháp Thân, thanh tịnh Pháp Thân. [Ánh sáng phản chiếu trên khe suối, sắc núi] có phải là thanh tịnh Pháp Thân của Tỳ Lô Giá Na Phật hay chẳng? Tỳ Lô Giá Na Phật là ai? Là chính mình, chứ không phải ai khác. Thiên gia nói “*Phụ mẫu vị sanh tiền bốn lai diện mục*” (Mặt mày vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra), bốn lai diện mục là Tỳ Lô Giá Na, tiếng Phạn gọi là Tỳ Lô Giá Na, tức là Pháp Thân của chính mình. Hai câu này ngụ ý: Hữu tình và vô tình thuyết pháp chưa hề gián đoạn. Nếu quý vị hiểu rõ, thật sự hiểu được, quý vị lãnh hội, công phu niệm Phật của quý vị cũng chưa hề gián đoạn, niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm. Chư Phật, Bồ Tát thuyết pháp không gián đoạn, chẳng ngưng nghỉ. Quý vị nghe pháp cũng chưa hề gián đoạn, ngưng nghỉ. Nếu quý vị thấu hiểu đạo lý này, lãnh hội phương pháp này, làm sao quý vị chẳng thành Phật trong đời này? Làm sao quý vị chẳng vãng sanh ngay trong đời này? Chẳng những vãng sanh, mà Thượng Phẩm Thượng Sanh chắc chắn có phần. Mọi người nghe những lời này, nếu trong tâm hăm mộ, kính ngưỡng thì phải buông xuống, phải xả, xả sạch sành sanh thì quý vị mới thực hiện viên mãn được!

(Diễn) Liên hoa hóa sanh giả.

(演) 蓮花化生者。

(Diễn: Hóa sanh trong hoa sen là...)

“*Liên hoa hóa sanh*” nghĩa là gì? Trước hết phải hiểu rõ ý nghĩa được biểu thị bởi chữ Liên. Trong Phật pháp, thường dùng hoa sen để biểu thị pháp. Hoa sen mọc trong bùn nhơ, hoa nở vươn khỏi mặt nước, Phật pháp dùng nó để biểu thị pháp, ví bùn nhơ như lục đạo phàm phu thế gian, lớp nước trong ở phía trên ví như tứ thánh pháp giới. Hoa sen nở trên mặt nước như tứ thánh lần lục phàm đều buông xuống, đều bỏ hết, đó là thanh tịnh thật sự. Nếu quý vị buông hết tứ thánh lục phàm xuống thì quý vị là “*liên hoa hóa sanh*”.

(Diễn) Tùng ngộ nhi mê, thị vi thai tạng thọ sanh.

(演) 從悟而迷，是為胎藏受生。

(Diễn: Từ ngộ thành mê, bèn thọ sanh trong bào thai).

Phàm là thai sanh, noãn sanh, hay thấp sanh, và một phần trong hóa sanh¹, quyết định là mê, chẳng ngộ. Do vậy, trong cảnh giới lục phàm, phương cách sanh thành có bốn loại lớn: Thai, noãn, thấp, hóa. Sau khi giác ngộ, ngộ ấy là đại triệt đại ngộ, là giác ngộ thật sự. Thật sự giác ngộ thì tối thiểu là phải buông Kiến Tư phiền não xuống, quả thật bỏ được nó. Thông thường, Kiến Tư phiền não được quy nạp thành hai loại lớn: Một là Kiến Hoặc, hai là Tư Hoặc. Trong Kiến Hoặc, thật sự buông xuống được, quả thật chẳng có Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, Tà Kiến. Trong Tư Hoặc, quả thật chẳng có keo tham, nóng giận, ngu si, ngạo mạn, hoài nghi thánh giáo, hoài nghi những lý luận và phương pháp trong Phật pháp. Những thứ ấy cũng đều buông xuống hết. Kiến Tư phiền não thấy đều buông xuống hết, khi ấy mới gọi là Chánh Giác, giác ngộ rồi. Vì vậy, tiêu chuẩn ngộ trong Phật pháp là đây.

Nói người nào đó khai ngộ, nhưng người ấy đã khai ngộ mà vẫn còn có tâm tham, vẫn còn tâm nóng giận, chắc chắn người ấy chưa khai ngộ! Người đã ngộ chắc chắn không có tham, sân, si. Người đã ngộ tâm nhất định thanh tịnh, bình đẳng, từ bi. Do vậy, từ thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, có thể kiểm tra xem chính mình có thật sự khai ngộ hay chẳng. Nếu còn có giới hạn ta - người là chưa khai ngộ. Vì sao? Ngã Chấp vẫn còn, chưa đoạn được. Nếu còn phân biệt cao - thấp thì chưa khai ngộ, chắc chắn là đang mê, chẳng ngộ! Người đã ngộ thì cái tâm thanh tịnh, bình đẳng, đại từ, đại bi. Lừa người là tạo tội nghiệp, lừa chính mình là kẻ ngu si nhất. Nếu lừa mình, dối người, người như vậy có quả báo trong tam đồ, làm sao có thể thành Phật, thành Tò cho được? Có vị Phật, Bồ Tát nào dối mình, lừa người hay chẳng? Chẳng thể có chuyện ấy! Người khác làm như thế nào, đừng bận tâm! Chuyện khẩn yếu là chính mình nên tu theo cách nào? Do vậy, Phật pháp, kinh điển nhằm giáo huấn mỗi người chúng ta, cũng chẳng liên can gì đến người khác. Giới luật nhằm dạy mỗi người chúng ta tuân thủ, chẳng liên can gì đến người khác thì tâm chúng ta mới được thanh tịnh. Do vậy, trải qua sự việc để luyện tâm trong cảnh giới, luyện cái tâm gì?

¹ Chúng sanh thọ sanh trong địa ngục và nạ quỷ bằng cách hóa sanh nên nói “một phần trong hóa sanh”.

Chính là dùng kinh luận giới luật để ràng buộc chính mình, tiêu chuẩn ấy do chính mình tuân thủ, chẳng phải để dành cho người khác, luyện điều ấy. Nếu chúng ta học giới luật, bất cứ nơi đâu cũng đem những tiêu chuẩn giới luật ấy ra để cân đong người khác, “người này phá giới, kẻ nọ chẳng giữ quy củ”, chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung, suốt ngày từ sáng đến tối phân biệt, chấp trước, kết quả ra sao? Hủy hoại chính mình. Đây là đối với Phật pháp, quý vị có biết sử dụng hay không? Biết dùng sẽ thành tựu chính mình. Chẳng biết dùng, chắc chắn hủy diệt chính mình, khiến cho chính mình tạo vô lượng vô biên tội nghiệp. Mê là gì? Ngộ là gì? Hình dạng của mê như thế nào? Hình dạng của ngộ là gì? Nói chung, chính mình phải hiểu rõ. Người giác ngộ, thân tâm thanh tịnh, đó gọi là “*liên hoa hóa sanh*”. Do vậy, trong bốn cách sanh thành, người giác ngộ chỉ có một cách hóa sanh, quyết định chẳng có thai, noãn, thấp, trừ phi có ý dùng cung cách ấy để thị hiện. Đó là phương tiện nhằm lợi ích chúng sanh, chẳng phải là chân thật.

(Diễn) Thời thời giả, tức kinh trung sở vị, thường tại kỳ trung, kinh hành cập tọa ngọa dã.

(演)時時者，即經中所謂，常在於其中，經行及坐臥也。

(Diễn: “Thời thời” là như trong kinh nói: “Thường kinh hành và ngọa, nằm ở trong ấy”).

Đây là giảng chữ “*thời thời*”. Bất luận lúc nào, bất luận nơi chốn nào, bất luận trong cảnh giới nào, dù là thuận cảnh hay nghịch cảnh, thân tâm luôn thanh tịnh, quyết chẳng bị ngoại cảnh khuấy nhiễu, đây chính là “*thời thời liên nhụy hóa sanh*” (luôn luôn hóa sanh trong hoa sen). Nếu chúng ta rèn luyện như vậy trong cuộc sống thường ngày thì gọi là “tu hành thật sự”. Trong hết thấy thời, hết thấy chỗ, chúng ta cầu điều gì? Thân tâm thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Vậy thì chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, làm sao chẳng phải là liên hoa hóa sanh? Đương nhiên là liên hoa hóa sanh, chẳng có mảy may nghi vấn nào! Do vậy, nhìn vào Quả sẽ biết chúng ta đang tu Nhân như thế nào.

(Diễn) Cầm điều chỉ hữu tình, đường viện chỉ vô tình, cử thử nhị chủng, kiến tình dữ vô tình, đồng thành Chánh Giác dã. Giai âm, tịnh thái, chánh thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ xú.

(演)禽鳥指有情，堂院指無情，舉此二種，見情與無情，同成正覺也。偕音並彩，正是法平等，無有高下處。

(Diễn: Chim chóc chỉ hữu tình, nhà viện chỉ vô tình, nêu lên hai thứ này để thấy hữu tình và vô tình cùng thành Chánh Giác. “Hòa tiếng hát nhịp nhàng, cùng nhau khoe sắc” nhằm chỉ rõ pháp bình đẳng, không có chỗ nào cao hay thấp).

Hiện thị ý nghĩa này, “trân cầm” (chim quý) là những loài chim trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, như kinh Di Đà liệt kê các loài Khổng Tước, Anh Vũ, Ca Lãng Tàn Già, Cộng Mạng... Những loài chim ấy do A Di Đà Phật biến hóa ra. “Thú điếu” (chim tầm thường) là những loài chim chóc trong thế giới Sa Bà, thuộc vào súc sanh đạo. “Quyển viện” là cung điện bảy báu thù thắng trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. “Mão đường” là lều tranh, là nơi ở đơn giản, hèn tẻ nhất. Trước kia, người xuất gia ở trong rừng núi, tự mình đẵn gỗ dựng một túp lều tranh nhỏ, [mọi thứ] đều do chính tay mình làm. Vách che bốn mặt quá nửa đều là dùng những thân gỗ, hoặc dùng trúc xếp san sát ghép thành vách, đủ để tránh gió che mưa như thế mà thôi, đáy chính là lều tranh danh hợp với sự thật. Hai thứ này (viện quyển và lều tranh) đều nói về loài vô tình.

“Đồng thành Chánh Giác”: Đây là cảnh giới Hoa Nghiêm, “tình dữ vô tình, đồng viên Chứng Trí” (Tình và vô tình, đều viên mãn Chứng Trí). Kinh Đại Thừa cũng thường nói: Chư Phật Như Lai lúc mới thành đạo, cảnh giới khi ấy là hết thảy thế gian “tình và vô tình đều thành Chánh Giác”. Chánh Giác là gì? Chánh Giác là Bản Giác như Đại Thừa Khởi Tín Luận đã nói. Mã Minh Bồ Tát nói rất khéo: “Bản Giác vốn có, bất giác vốn không”. Bản Giác là đức dụng sẵn có trong tự tánh. Vì sao thấy hữu tình và vô tình cùng thành Chánh Giác? Là vì người ấy kiến tánh, đã kiến tánh thì đúng là “chuyện gì cũng là đạo, đâu đâu cũng gặp nguồn”. Hết thảy hữu tình chúng sanh do tự tánh biến hiện, là Tướng Phần của tự tánh. Hết thảy vô tình chúng sanh vẫn là Tướng Phần của tự tánh, Tánh và Tướng như một, Tánh và Tướng không hai! Giống như vàng và đồ vật vậy! Dùng vàng chế đồ vật, món nào cũng đều là vàng. Thử hỏi có một thứ nào chẳng phải là tự tánh hay chăng? Có thứ nào chẳng phải là Chứng Trí? Có thứ nào chẳng phải là Chánh Giác? Do vậy, khi ấy mới thật sự hiện thị pháp nào cũng bình đẳng, không có cao - thấp, cũng đúng như kinh Pháp Hoa đã nói “bách giới thiên như”. Đây là chân tướng trong Nhất Chân pháp giới, mà cũng là tướng chân thật của Tây Phương Thật Báo ĐỘ.

Nếu quý vị niệm Phật, niệm đến Lý nhất tâm bất loạn, cảnh giới này sẽ hiện tiền. Tây Phương Cực Lạc thế giới là như thế, mà thế giới trước mắt chúng ta cũng trọn chẳng phải ngoại lệ, cũng giống như vậy. Hiện tại, cảnh giới chân thật chẳng thể hiện tiền là do chúng ta nghiệp chướng quá nặng, mê hoặc, điên đảo. Do vậy, chúng ta chẳng thấy được tướng chân thật của toàn bộ cảnh giới. Chúng ta thấy tướng hư vọng, trong tướng hư vọng chẳng có bình đẳng, mà có cao - thấp. Tướng chân thật không có cao - thấp, quyết định bình đẳng; phải dùng tâm chân thật mới có thể thấy được tướng chân thật. Cái tâm hư vọng của chúng ta mà muốn thấy được tướng chân thật sẽ chẳng thấy được, nhất định phải dùng chân tâm mới thấy được chân tướng. Do vậy, nếu quý vị đặc nhất tâm, sẽ thấy được Nhất Chân pháp giới. Nhất tâm là năng chứng, Nhất Chân pháp giới là sở chứng; nhất tâm là năng nhập, Nhất Chân pháp giới là sở nhập. Do vậy, kinh Di Đà và kinh Hoa Nghiêm là một, không hai. Trong kinh Hoa Nghiêm nói Nhất Chân pháp giới, còn kinh này nói nhất tâm bất loạn; đặc nhất tâm sẽ đặc Nhất Chân.

Chúng ta muốn chứng đắc Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, quý vị hãy niệm một câu Di Đà cho tốt đẹp thì sẽ đạt được, thật sự đạt được! Chẳng những quý vị thấu hiểu Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, mà còn nhập cảnh giới ấy. Do đây biết rằng: Về giá trị của Tiểu Bản Di Đà Kinh trong hết thảy các kinh thì như trong các buổi giảng tôi đã bảo quý vị, kinh này là kinh bậc nhất trong hết thảy các kinh. Quý vị phải tin tưởng! Tôi quyết chẳng cố ý đề cao thân phận của kinh này, chẳng phải vậy, mà sự thật là như thế đó. Chẳng đọc Hoa Nghiêm, quý vị sẽ chẳng thấu hiểu [điều này]; sau khi đọc Hoa Nghiêm, mới phát hiện kinh Di Đà này là kinh bậc nhất, nó là chỗ quy túc của kinh Hoa Nghiêm, là kết luận của kinh Hoa Nghiêm. Nếu nhìn cận kề, Thiện Tài đồng tử vốn tu tập pháp môn này, một môn thâm nhập, một đời thành Phật. Chúng ta thấy tu những pháp môn khác, chưa hề thấy nói là thành Phật ngay trong một đời, còn tu pháp môn này, một đời thành tựu vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc.

Hôm nay, có một người ở Đài Trung gọi điện thoại cho tôi, hỏi: “Cách bế quan tu hành như thế nào? Con muốn niệm chú Lăng Nghiêm, niệm nhiều kinh luận có được không?” Tôi bảo ông ta: “Ông hãy bỏ hết rồi mới bế quan, phải lấy liễu sanh tử làm bậc nhất”. Khóa tụng như thế nào ư? Tôi bảo ông ta: “[Trong thời gian cháy hết] một cây hương, [tụng] một quyển A Di Đà Kinh, bảy biến Vãng Sanh Chú, một ngàn câu Phật hiệu, lễ A Di Đà Phật một trăm lạy, cách làm là như thế. Ông bế quan,

trong quan phòng chẳng có việc gì, tùy thuộc thể lực của ông, mỗi ngày niệm càng nhiều càng hay”. Tôi bảo ông ta: “Mỗi ngày [thời gian tụng niệm] không thể ít hơn bốn cây hương, tốt nhất là ông có thể niệm đạt tiêu chuẩn từ sáu cây hương đến bảy cây hương”. Nói cách khác, mỗi ngày tụng bảy biến kinh A Di Đà, bảy ngàn câu Phật hiệu, lễ Phật bảy trăm lạy, đó là tiêu chuẩn bề quan thấp nhất. Tôi nói: “Ông cứ làm như thế, những kinh luận, chú ngữ khác đều buông xuống, hoàn toàn chẳng cần phải quan tâm đến thì mới có thể thành tựu. Nghe nói chú Lăng Nghiêm có thể hàng phục ma chướng, A Di Đà Phật chẳng thể hàng ma ư? Tôi thấy chú Lăng Nghiêm không chỉ chẳng thể hàng ma, mà sợ rằng còn chiêu cảm khá nhiều yêu ma quỷ quái, sợ ông đối phó không nổi! Một câu A Di Đà Phật niệm cho tốt đẹp là được rồi, sẽ có thể thành công. Nếu ông thật sự nghe lời tôi, hết thấy vạn duyên đều buông xuống hết, chiếu theo phương pháp này để tu hành, trong ba năm, không dám chắc ông đắc nhất tâm bất loạn, nhưng công phu thành phiền quyết định có thể đạt được, quyết định có thể vãng sanh Tây Phương, điều này chúng tôi chẳng hoài nghi mấy may! Trừ phi ông chẳng chịu làm như vậy, ông vẫn suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, thân ở trong quan phòng mà tâm ở bên ngoài, vậy là hỏng rồi, không có cách nào hết. Có bề quan ba đại A-tăng-kỳ kiếp cũng vô dụng!”

(Sớ) Ký đắc nhất tâm bất loạn, thí tri liên hoa, hàng thụ, chủng chủng trang nghiêm, tịnh phi tâm ngoại.

(疏)既得一心不亂，始知蓮華行樹，種種莊嚴，並非心外。

(Sớ: Đã đắc nhất tâm bất loạn mới biết hoa sen, hàng cây, các thứ trang nghiêm, trọn chẳng ở ngoài tâm).

Đoạn văn ở phía trên là do Liên Trì đại sư viết, sau khi viết đoạn ấy, Ngài lại sợ người đời sau đọc không hiểu, nên đại từ đại bi chú giải thêm, giải thích thêm cho chúng ta.

“*Ký đắc nhất tâm bất loạn*” ý nói: Đoạn trước là nói khi công phu đã thành tựu, quý vị mới biết “*hoa sen, hàng cây, các thứ trang nghiêm, trọn chẳng ở ngoài tâm*”.

Sau khi ngộ nhất tâm mới thật sự biết “*ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm*”, đúng như là trong phần trước đã có nói: *Thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ*” (pháp này bình đẳng, không có cao - thấp).

(Sớ) Hà tất nhĩ thính kim ngôn, phương thị Di Đà thuyết pháp, Sa Bà ấn hoại, thử danh Tịnh Độ vẫn thành giả tai? Nhiên tắc trần cầm, thứ điều, quỳnh viện, mào đường, hà liệt, hà ưu, hà tịnh, hà uế? Cố viết: Tây Phương tại mục tiền dã.

(疏)何必耳聽金言，方是彌陀說法，娑婆印壞，始名淨土文成者哉。然則珍禽庶鳥，瓊院茆堂，何劣何優，何淨何穢，故曰西方在目前也。

(Sớ: Cần gì phải tai nghe lời vàng mới là Phật Di Đà thuyết pháp? [Há phải] cái ấn cõi Sa Bà đã nát thì mới gọi là “nét khắc nơi Tịnh Độ” được thành ưu? Vậy thì chim quý, chim thường, viện quỳnh, lầu tranh, gì là kém, gì là hơn, gì là tịnh, gì là uế? Cho nên nói: Tây Phương ở ngay trước mắt).

Đôi với bốn hàng chú giải này, sách Diễn Nghĩa lại chú giải thêm, đúng là từ bi đến tột bậc. Chúng ta đọc Diễn Nghĩa, đoạn trước là nói chung, nói rõ đại ý của đoạn chú giải này.

(Diễn) Ký đắc tứ cú.

(演) 既得四句。

(Diễn: Bốn câu kể từ chữ “đã đắc” trở đi).

Bốn câu tiếp theo câu “kỳ đắc nhất tâm bất loạn” (đã đắc nhất tâm bất loạn).

(Diễn) Minh, tức thử nhất tâm, tức thị Tịnh Độ.

(演) 明，即此一心，即是淨土。

(Diễn: Nói rõ chính cái nhất tâm này là Tịnh Độ).

Nói rõ sự thật này.

(Diễn) Hà tất tứ cú.

(演) 何必四句。

(Diễn: Bốn câu bắt đầu bằng chữ “cần gì”).

Bốn câu kể từ “hà tất nhĩ thính kim ngôn” (cần gì phải tai nghe lời vàng) trở đi, nhằm nói rõ:

(Diễn) Bất tất vãng sanh, phương thành Tịnh Độ.

(演) 不必往生，方成淨土。

(Diễn: Cần gì phải vãng sanh mới thành Tịnh Độ).

Chỉ cần đắc nhất tâm bất loạn thì chỗ nào chẳng phải là Tịnh Độ? Đâu đâu cũng là Tịnh Độ. Nói như vậy thì Tây Phương Cực Lạc thế giới có Tịnh Độ hay không? Thưa quý vị, có chứ, quả thật có Tịnh Độ!

(Diễn) Nhiên tắc tứ cú, hiển duy tâm cảnh giới, vô sai biệt tướng, đẳng đồng nhất vị dã, cố viết cú tổng kết.

(演) 然則四句，顯唯心境界，無差別相，等同一味也。故曰句總結。

(Diễn: Bốn câu từ chữ “vậy thì” trở đi, hiển thị cảnh giới duy tâm, không có tướng sai biệt, bình đẳng có cùng một vị. Câu “cho nên nói” là tổng kết).

Câu cuối cùng “cố viết Tây Phương tại mục tiền dã” (cho nên nói Tây Phương ở ngay trước mắt) là tổng kết. Đoạn văn gồm ba dòng rưỡi này có tất cả bốn đoạn. Trong Phật pháp thường gọi cách phân đoạn này là Khoa Phán, các đồng học muốn học giảng kinh phải đặc biệt chú ý. Nếu quý vị có khả năng thấy được kết cấu chương pháp phân đoạn thì quý vị mới có thể thật sự hiểu rõ thứ lớp ý nghĩa.

(Diễn) Ấn hoại văn thành giả, Niết Bàn nhị thập thất vân: “Thí như lập ấn ấn nê, ấn dữ nê hợp, ấn diệt văn thành”.

(演) 印壞文成者，涅槃二十七云：譬如蠟印印泥，印與泥合，印滅文成。

(Diễn: “Ấn nát, nét khắc thành hình” là như kinh Niết Bàn quyển thứ hai mươi bảy đã chép: “Ví như ấn sáp đem đóng xuống bùn, ấn áp vào bùn, ấn nát, mà nét khắc trên ấn đã thành hình”).

Chuyện này được nói trong kinh Đại Bát Niết Bàn, quyển hai mươi bảy. Cổ nhân đúc ấn, ấn ấy không đúc mà là đúc. Trước tiên, họ chế tạo một cái khuôn ấn, khuôn ấn ấy làm bằng sáp, sau đấy dùng cái khuôn ấn ấy để chế ra cái ấn bằng chất bùn (kim nê). Ở Trung Quốc vào thời xưa, người ta in tượng Phật, hình người hoặc văn tự trên ngói sành đều sử dụng phương pháp này. Họ chế khuôn xong, đem chất bùn đổ vào khuôn ấy,

xong rồi đem nung. Hễ thiêu thì đương nhiên chất sáp không còn nữa. Chất bùn được nung khô xong, đất đã trở thành gốm, đó gọi là “*án hoại văn thành*”. Trước kia, người ta đúc ấn dùng phương pháp này, chất gốm ấy được bỏ vào lò gốm để nung. Nung xong, chất sáp đã tan chảy hết, nét khắc đã thành hình, mô hình đã thành tựu. Chuyện này tỷ dụ điều gì? Dưới đây lại giảng rõ.

(Diễn) Dĩ dụ phàm phu hiện tại ám diệt.

(演) 以喻凡夫現在陰滅。

(Diễn: Nhằm tỷ dụ thân ngũ ấm hiện tại của phàm phu đã diệt).

“*Ám*” là thân Trung Âm, nói theo cách thông tục thì hiện thời người đã chết đi, “*Ám*” ấy chính là linh hồn.

(Diễn) Trung hữu âm sanh.

(演) 中有陰生。

(Diễn: Thân Trung Âm đã sanh).

Linh hồn đã lìa khỏi thân thể.

(Diễn) Kim tá thử văn, dĩ dụ vãng sanh hành nhân, thử độ Âm diệt, bỉ quốc Âm sanh.

(演) 今借此文，以喻往生行人，此土陰滅，彼國陰生。

(Diễn: Nay nhờ vào đoạn văn này để tỷ dụ hành nhân vãng sanh, ngũ ấm trong cõi này diệt, ngũ ấm trong cõi kia được sanh ra).

Dùng ý nghĩa này, chúng ta là người cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là thân thể ra đi, mà là thần thức ra đi. Thân thể trong cõi này hoại, thì thần thức của chúng ta hóa sanh trong hoa sen bên Tây Phương. Ý nghĩa như vậy đó, dùng chuyện này (tức chuyện ấn nát, nét khắc hình thành) để tỷ dụ.

(Diễn) Tu tri: Thùy chung tự kiến tọa kim liên thân, dĩ thị bỉ quốc sanh Âm cố dã.

(演) 須知垂終自見坐金蓮身，已是彼國生陰故也。

(Diễn: Cần biết rằng: Người lâm chung tự thấy thân mình ngồi trên hoa sen vàng tức là Ngũ Âm của chính mình đã sanh trong cõi kia).

Quý vị cần biết: Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là đi trong lúc sống, chẳng phải chết rồi mới đi. Chúng ta nói “lâm chung”, nhưng thật ra người ấy chẳng hề mạng chung. Người ấy thấy Phật đến tiếp dẫn, theo Phật ra đi. Phàm phu mắt thịt chúng ta trong thế giới này thấy người ấy chết, thật ra, người ấy chẳng có sanh tử, mà là theo Phật sang Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, phàm là vãng sanh, chắc chắn là vãng sanh trong lúc sống, chẳng phải là chết rồi mới vãng sanh. Chết rồi thì người ấy phải đầu thai, phải luân hồi, chuyện này phiền phức lớn lắm. Do vậy, chúng tôi thấy rất nhiều người vãng sanh, biết trước lúc mất, thấy Phật đến tiếp dẫn, có các thứ tướng lành, những tướng lành ấy hiển hiện trước khi người ấy tắt hơi, đó gọi là “*thùy chung*”. “*Thùy chung*” là vẫn còn chưa kết thúc, chính mình sáng suốt, tinh táo, thấy Phật đến tiếp dẫn, thấy chính mình hóa sanh trong hoa sen, khi ấy chính mình đã đến thế giới Cực Lạc, tới Tây Phương Tịnh Độ.

(Diễn) Thành luận minh cực thiện cực ác, câu bất kinh Trung Âm.

(演) 成論明極善極惡，俱不經中陰。

(Diễn: Thành Duy Thức Luận nói kẻ cực thiện hay cực ác đều không trải qua giai đoạn Trung Âm).

“*Thành luận*” là Thành Duy Thức Luận², Thành Duy Thức Luận cũng nói như thế này: Người cực thiện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới không có thân Trung Âm, kẻ “cực ác” đọa địa ngục A Tỳ cũng không có thân Trung Âm, “*câu bất kinh Trung Âm*” (đều không trải qua giai đoạn Trung Âm). Nói cách khác, ngoài người cực thiện và cực ác ra, tất cả đều có thân Trung Âm. Trung Âm thường tồn tại trong thời gian bốn mươi chín ngày. Trong Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh đã giảng rất rõ ràng. Do vậy, thường làm thất cho người chết, đều là căn cứ theo kinh Địa Tạng đã nói mà làm. Người cực thiện hay kẻ cực ác tuy không

² Thành Duy Thức Luận (Vijñāptimātratāsiddhi) là một bộ luận chủ yếu của Pháp Tướng Duy Thức Tông, do ngài Huyền Trang viết nhằm chú giải bộ Duy Thức Tam Thập Tụng của Thế Thân Bồ Tát. Ngài Huyền Trang đã tổng hợp ý kiến chú giải của mười vị đại luận sư Ấn Độ thời ấy để viết ra bộ luận này khi Ngài còn đang tham học ở học viện Na Lan Đà.

có Trung Âm, chúng ta làm thật cho họ vẫn tốt, vun bồi phước cho họ. Tốt đẹp ở chỗ nào? Vì sao có điều tốt? Kinh Địa Tạng đã nói rõ ràng, minh bạch. Hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến chỗ này!